

Số: /TB-QBVR

Điện Biên, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

Tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2023 lưu vực Sông Đà cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Tuần Giáo

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Kế hoạch thu, chi và dự toán chi quản lý năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh Kế hoạch thu, chi và dự toán chi quản lý năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên; Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh quy định số lần, thời gian, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 1308/CCKL-QBVR ngày 28/11/2023 của Chi cục Kiểm lâm về việc xác nhận diện tích đủ điều kiện tạm ứng tiền DVMTR năm 2023 đối với chủ rừng là tổ chức.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thông báo tạm ứng tiền chi trả DVMTR năm 2023 lưu vực Sông Đà cho các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng thôn, bản và tổ chức trên địa bàn huyện Tuần Giáo cụ thể như sau:

1. Thời gian tạm ứng

Quỹ tỉnh chuyển tiền tạm ứng DVMTR năm 2023 qua tài khoản Ngân hàng cho các chủ rừng, thời gian chuyển tiền trong tháng 12 năm 2023.

2. Tổng diện tích tạm ứng năm 2023 là: Diện tích cung ứng 22.889,68 ha; diện tích quy đổi 22.862,09ha, trong đó:

+ Chủ rừng là tổ chức: Cung ứng 8.432,182 ha; quy đổi 8.432,182ha;

+ Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng thôn, bản: Cung ứng 14.457,498ha; quy đổi 14.429,908ha.

3. Tổng số tiền tạm ứng năm 2023: 6.858.627.000 đồng, trong đó:

- Số tiền đủ điều kiện tạm ứng: 6.812.290.140 đồng
(Có biểu chi tiết 01 kèm theo)

- Số tiền chưa đủ điều kiện tạm ứng: 46.336.860 đồng
(Có biểu chi tiết 02 kèm theo)

4. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị UBND các xã:

+ Niêm yết công khai thông báo lên “bảng thông báo chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng” tại UBND xã; thông báo đến các chủ rừng (qua trưởng bản) số tiền DVMTR tạm ứng năm 2023;

+ Thông báo tới các chủ rừng nhận tiền DVMTR khi Ngân hàng có thông báo chi trả trong ngày giao dịch tại UBND xã;

- Đề nghị Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội: Thông báo kế hoạch chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng trên địa bàn các xã.

- Đề nghị các chủ rừng:

+ Đối với chủ rừng là tổ chức (Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tuần Giáo) căn cứ số tiền theo thông báo, xây dựng giấy đề nghị chuyển tiền gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

+ Đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng thôn, bản nhận tiền DVMTR tại UBND xã trong ngày giao dịch của Ngân hàng chính sách xã hội, nhận tiền theo kế hoạch chi trả của Ngân hàng.

+ Đối với các chủ rừng chưa mở tài khoản ngân hàng đề nghị chủ rừng mở tài khoản nhận tiền chi trả DVMTR.

Mọi khó khăn, vướng mắc xin liên hệ đường dây nóng của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, số điện thoại liên hệ: 0326.711.661

Trên đây là thông báo tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2023 lưu vực Sông Đà cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Tuần Giáo, đề nghị các chủ rừng và các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục Kiểm lâm;
- P.CT UBND huyện phụ trách NL;
- Hạt Kiểm lâm huyện Tuần Giáo;
- Phòng giao dịch NHCSXH huyện (Phối hợp);
- Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tuần Giáo;
- UBND các xã: Mùn Chung, Mường Mùn, Mường Thín, Nà Tòng, Phình Sáng, Pú Nhung, Pú Xi, Quài Cang, Quài Nưa, Rạng Đông, Ta Ma, Tòà Tình, huyện Tuần Giáo;
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, địa chỉ: <http://fpdf.dienbien.gov.vn>;
- Lưu: VT, KH-KT.

(B/c)

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

THÔNG BÁO TỔNG SỐ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 - LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
cho các chủ rừng tổ chức, cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo Thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
1	Mùn Chung	988,5870	986,6665	300.000	295.999.950	
2	Mường Mùn	2.343,3040	2.342,4099	300.000	702.722.970	
3	Mường Thín	473,5700	473,5700	300.000	142.071.000	
4	Nà Tông	517,9690	516,3109	300.000	154.893.270	
5	Phình Sáng	960,4080	960,2855	300.000	288.085.650	
6	Pú Nhung	1.618,0190	1.618,0190	300.000	485.405.700	
7	Pú Xi	3.902,3040	3.902,3040	300.000	1.170.691.200	
8	Quài Cang	38,2070	38,2070	300.000	11.462.100	
9	Quài Nưa	944,3460	931,7367	300.000	279.521.010	
10	Rạng Đông	743,1190	743,1190	300.000	222.935.700	
11	Ta Ma	426,0290	426,0290	300.000	127.808.700	
12	Toả Tình	1.501,6360	1.491,2505	300.000	447.375.150	
13	Ban Quản lý RPH huyện Tuần Giáo	8.432,1820	8.432,1820	300.000	2.529.654.600	
Tổng Cộng		22.889,6800	22.862,0900		6.858.627.000	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng/ha.



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Biểu 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO SỐ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TẠM ỨNG NĂM 2023 - LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
cho các chủ rừng tổ chức, cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo Thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
1	Mùn Chung	988,5870	986,6665	300.000	295.999.950	
2	Mường Mùn	2.341,2890	2.340,5964	300.000	702.178.920	
3	Mường Thín	473,5700	473,5700	300.000	142.071.000	
4	Nà Tông	517,9690	516,3109	300.000	154.893.270	
5	Phình Sáng	818,9010	818,7785	300.000	245.633.550	
6	Pú Nhung	1.616,0660	1.616,0660	300.000	484.819.800	
7	Pú Xi	3.902,3040	3.902,3040	300.000	1.170.691.200	
8	Quài Cang	38,2070	38,2070	300.000	11.462.100	
9	Quài Nưa	942,6980	930,2535	300.000	279.076.050	
10	Rạng Đông	743,1190	743,1190	300.000	222.935.700	
11	Ta Ma	426,0290	426,0290	300.000	127.808.700	
12	Toà Tình	1.493,0810	1.483,5510	300.000	445.065.300	
13	Ban Quản lý RPH huyện Tuần Giáo	8.432,1820	8.432,1820	300.000	2.529.654.600	
Tổng Cộng		22.734,0020	22.707,6338		6.812.290.140	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng/ha.



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Biểu 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO SỐ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TẠM ỨNG NĂM 2023 - LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
cho chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo Thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07/12/2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền chưa đủ điều kiện tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
1	Mường Mùn	2,0150	1,8135	300.000	544.050	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
2	Phình Sáng	141,5070	141,5070	300.000	42.452.100	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
3	Pú Nhung	1,9530	1,9530	300.000	585.900	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
4	Quài Nưa	1,6480	1,4832	300.000	444.960	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
5	Toả Tình	8,5550	7,6995	300.000	2.309.850	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
Tổng Cộng		155,6780	154,4562		46.336.860	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng/ha.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

**THÔNG BÁO SỐ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 - LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
cho các chủ rừng tổ chức, cộng đồng, hộ gia đình**

(Kèm theo Thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
1	Mùn Chung	988,5870	986,6665	300.000	295.999.950	
2	Mường Mùn	2.340,7290	2.340,0924	300.000	702.027.720	
3	Mường Thín	473,5700	473,5700	300.000	142.071.000	
4	Nà Tông	517,9690	516,3109	300.000	154.893.270	
5	Phình Sáng	818,9010	818,7785	300.000	245.633.550	
6	Pú Nhung	1.611,2830	1.611,2830	300.000	483.384.900	
7	Pú Xi	3.902,3040	3.902,3040	300.000	1.170.691.200	
8	Quài Cang	37,2240	37,2240	300.000	11.167.200	
9	Quài Nưa	928,1230	917,1360	300.000	275.140.800	
10	Rạng Đông	743,1190	743,1190	300.000	222.935.700	
11	Ta Ma	426,0290	426,0290	300.000	127.808.700	
12	Toả Tình	1.388,3620	1.387,0194	300.000	416.105.820	
13	Ban Quản lý RPH huyện Tuần Giáo	8.432,1820	8.432,1820	300.000	2.529.654.600	
Tổng Cộng		22.608,3820	22.591,7147		6.777.514.410	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng/ha.



Đặng Thị Thu Hiền

BIỂU THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Mùn Chung

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Tên hộ gia đình, cá nhân (13 HGĐ)	22,3610	20,4405		6.132.150	
	Bản Bó Lếch: 05 HGĐ	9,1140	8,5182		2.555.460	
1	Lò Văn Cang	1,4060	1,4060	300.000	421.800	
2	Lò Văn Sọ	1,7500	1,7500	300.000	525.000	
3	Lường Văn Muôn	1,8010	1,6209	300.000	486.270	
4	Quảng Thị Tinh	0,8490	0,7641	300.000	229.230	
5	Quảng Văn Hình	3,3080	2,9772	300.000	893.160	
	Bản Ta Lếch: 08 HGĐ	13,2470	11,9223		3.576.690	
6	Cà Văn Hải	0,2400	0,2160	300.000	64.800	
7	Cà Văn Kèo (Cà Văn Keo)	0,5830	0,5247	300.000	157.410	
8	Lò Văn Danh	0,4690	0,4221	300.000	126.630	
9	Lường Văn Khảm	1,0260	0,9234	300.000	277.020	
10	Lường Văn Phứt	0,4990	0,4491	300.000	134.730	
11	Lường Văn Tun (Ty)	0,3060	0,2754	300.000	82.620	
12	Lường Văn Tun (Tươi)	2,9880	2,6892	300.000	806.760	
13	Lường Văn Vinh	7,1360	6,4224	300.000	1.926.720	

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
II	Tên cộng đồng dân cư (8 CĐ)	966,2260	966,2260		289.867.800	
1	Cộng đồng Xóm Huồi Lóng	6,7570	6,7570	300.000	2.027.100	
2	Cộng đồng bản Bó Lếch	175,5230	175,5230	300.000	52.656.900	
3	Cộng đồng Chiềng Ban và Co En	75,5770	75,5770	300.000	22.673.100	
4	Cộng đồng bản Co Săn	64,2060	64,2060	300.000	19.261.800	
5	Cộng đồng bản Huồi Cáy	170,2020	170,2020	300.000	51.060.600	
6	Cộng đồng bản Phiêng Pên (Phiêng Pên và Co Kham)	165,8160	165,8160	300.000	49.744.800	
7	Cộng đồng bản Ta Lếch	62,3320	62,3320	300.000	18.699.600	
8	Cộng đồng bản Huồi Lóng	245,8130	245,8130	300.000	73.743.900	
Tổng (13 HGĐ + 8 CĐ)		988,5870	986,66650		295.999.950	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2022: lần 1: 200.000 đồng; lần 2: 200.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền

BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
 QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Mường Mùn

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Hộ gia đình, cá nhân (02 HGD)	1,9380	1,7442		523.260	
	Bản Xuân Tươi	1,9380	1,7442		523.260	
1	Nguyễn Văn Nở	1,0510	0,9459	300.000	283.770	
2	Nguyễn Thị Duyên	0,8870	0,7983	300.000	239.490	
II	Chủ rừng là cộng đồng dân cư (12 CD)	2.338,7910	2.338,3482		701.504.460	
1	Cộng đồng bản Gia Bọp	353,4590	353,4590	300.000	106.037.700	
2	Cộng đồng bản Hòm Hóc	704,9290	704,9290	300.000	211.478.700	CD bản Hòm
		172,3010	172,3010	300.000	51.690.300	CD bản Hóc
	Tổng	877,2300	877,2300		263.169.000	
3	Cộng đồng bản Huổi Cây	54,5990	54,5990	300.000	16.379.700	
4	Cộng đồng bản Huổi Khạ	175,6650	175,6650	300.000	52.699.500	
5	Cộng đồng bản Huổi Lốt	54,7010	54,7010	300.000	16.410.300	
6	Cộng đồng bản Lúm	369,6520	369,6520	300.000	110.895.600	
7	Cộng đồng bản Mường I	85,7720	85,7720	300.000	25.731.600	
8	Cộng đồng bản Mường II	116,0700	116,0700	300.000	34.821.000	
9	Cộng đồng bản Nà Chua	117,1030	117,1030	300.000	35.130.900	
10	Cộng đồng bản Pú Piến	9,0120	9,0120	300.000	2.703.600	
11	Cộng đồng bản Ta Pao	95,0140	94,5712	300.000	28.371.360	
12	Cộng đồng bản Xuân Tươi	30,5140	30,5140	300.000	9.154.200	
	Tổng (02 HGD + 12 CD)	2.340,7290	2.340,0924		702.027.720	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền

BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07/12/2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Mường Mùn

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
	Bản Xuân Tươi	0,5600	0,5040		151.200	
1	Đoàn Văn Biên	0,5600	0,5040	300.000	151.200	
	Tổng (01 HGD)	0,5600	0,5040		151.200	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

**THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TẠM ỨNG NĂM 2023, LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình**

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Mường Mùn

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Hộ gia đình, cá nhân (02 HGĐ)	2,0150	1,8135		544.050	
1	Bùi Văn Hải	0,9580	0,8622	300.000	258.660	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
2	Trần Thị Hoa	1,0570	0,9513	300.000	285.390	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
	Tổng (02 HGĐ)	2,0150	1,8135		544.050	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

BIỂU THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07/12/2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Mường Thín

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
T	Tên cộng đồng dân cư (3 CĐ)	473,5700	473,5700		142.071.000	
1	Cộng đồng bản Đông Liếng	129,2750	129,2750	300.000	38.782.500	
2	Cộng đồng bản Đông Thấp	310,5750	310,5750	300.000	93.172.500	
3	Cộng đồng bản Thảm Xà	33,7200	33,7200	300.000	10.116.000	
	Tổng cộng: 3 CĐ	473,5700	473,5700		142.071.000	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

BIỂU THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07/12/2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Nà Tông

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Tên hộ gia đình, cá nhân (3 HGD)	7,9010	7,1109		2.133.270	
	Bản Nà Tông (3 HGD)	7,9010	7,1109		2.133.270	
1	Lò Văn Tiên	1,1730	1,0557	300.000	316.710	
2	Lò Văn Piêng	3,5410	3,1869	300.000	956.070	
3	Lò Văn Páng	3,1870	2,8683	300.000	860.490	
II	Tên cộng đồng dân cư (6 CĐ)	510,0680	509,2000		152.760.000	
1	Cộng đồng bản Co Muông	144,1980	144,1980	300.000	43.259.400	
2	Cộng đồng bản Co Phát	17,2720	17,2720	300.000	5.181.600	
3	Cộng đồng bản Nà Tông	161,8310	161,3666	300.000	48.409.980	
4	Cộng đồng bản Nậm Bay	94,7420	94,7420	300.000	28.422.600	
5	Cộng đồng bản Nong Tóng	84,1680	83,7644	300.000	25.129.320	
6	Cộng đồng bản Pá Tong	7,8570	7,8570	300.000	2.357.100	
	Tổng (3 HGD + 6 CĐ)	517,9690	516,3109		154.893.270	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
 QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
 cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình**

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Phình Sáng

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Tên hộ gia đình, cá nhân (5 HGD)	66,2560	66,2560		19.876.800	
	Bản Mỹ Làng A (2 HGD)	12,9160	12,9160		3.874.800	
1	Thào Súa Sa	4,5690	4,5690	300.000	1.370.700	
2	Lâu A Giàng	8,3470	8,3470	300.000	2.504.100	
	Bản Nậm Dìn (3 HGD)	53,3400	53,3400		16.002.000	
3	Hờ A Sùng	14,8280	14,8280	300.000	4.448.400	
4	Giàng Sáy Trọ (Giàng Khua Nhè)	18,0980	18,0980	300.000	5.429.400	
5	Giàng A Dơ	20,4140	20,4140	300.000	6.124.200	
II	Tên cộng đồng dân cư (6 CĐ)	752,6450	752,5225		225.756.750	
1	Cộng đồng bản Phàng Cù	104,2940	104,2940	300.000	31.288.200	
2	Cộng đồng bản Háng Chua	139,8600	139,8600	300.000	41.958.000	
3	Cộng đồng Mí Làng B	322,8410	322,8410	300.000	96.852.300	
4	Cộng đồng bản Háng Khúa	60,4920	60,4920	300.000	18.147.600	
5	Cộng đồng Mí Làng A	98,4680	98,3455	300.000	29.503.650	
6	Cộng đồng bản Nậm Dìn	26,6900	26,6900	300.000	8.007.000	
	Tổng (5 HGD + 6 CĐ)	818,9010	818,7785		245.633.550	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền

**THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TẠM ỨNG NĂM 2023, LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình**

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Phình Sáng

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Tên hộ gia đình, cá nhân (2 HGĐ)	30,6680	30,6680		9.200.400	
	Bản Háng Khua (1 HGĐ)	7,8470	7,8470		2.354.100	
1	Vàng A Lừ	7,8470	7,8470	300.000	2.354.100	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
	Bản Mỹ Làng A (1 HGĐ)	22,8210	22,8210		6.846.300	
2	Thào A Sừ	22,8210	22,8210	300.000	6.846.300	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
II	Tên cộng đồng dân cư (1 CĐ)	110,8390	110,8390		33.251.700	
1	Cộng đồng bản Phiêng Cải	110,8390	110,8390	300.000	33.251.700	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
	Tổng (2 HGĐ + 1 CĐ)	141,5070	141,5070		42.452.100	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Pú Nhung

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Tên hộ gia đình, cá nhân (14 HGD)	17,6820	17,6820		5.304.600	
	Đề Chia A (2 HGD)	4,1620	4,1620		1.248.600	
1	Vừ Số Nhìa	1,1300	1,1300	300.000	339.000	
2	Trá Thị Khua	3,0320	3,0320	300.000	909.600	
	Đề Chia C (4 HGD)	4,7260	4,7260		1.417.800	
3	Lầu A Chứ	0,6040	0,6040	300.000	181.200	
4	Ly Thị Sia	0,7510	0,7510	300.000	225.300	
5	Vàng A Chư	1,6190	1,6190	300.000	485.700	
6	Vừ Dũng Khá	1,7520	1,7520	300.000	525.600	
	Khó Bua (7 HGD)	7,8800	7,8800		2.364.000	
7	Sùng A Sinh	2,2080	2,2080	300.000	662.400	
8	Sùng Nhìa Vàng	0,3970	0,3970	300.000	119.100	
9	Vừ Chờ Dua	1,2160	1,2160	300.000	364.800	
10	Mùa A Dơ	1,3600	1,3600	300.000	408.000	
11	Vừ A Già	0,6780	0,6780	300.000	203.400	
12	Mùa Nhè Trá (Mùa Nhìa Trá)	0,9290	0,9290	300.000	278.700	
13	Mùa A Trừ	1,0920	1,0920	300.000	327.600	
	Tênh Lá (1 HGD)	0,9140	0,9140		274.200	
14	Vừ A Kỳ	0,9140	0,9140	300.000	274.200	

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
II	Tên cộng đồng dân cư (7 CĐ)	1.593,6010	1.593,6010		478.080.300	
1	Cộng đồng bản Đẻ Chia A, Đẻ Chia B	636,7550	636,7550	300.000	191.026.500	
2	Cộng đồng bản Chua Lú	347,3100	347,3100	300.000	104.193.000	
3	Cộng đồng bản Khó Bua	72,4720	72,4720	300.000	21.741.600	
4	Cộng đồng bản Phiêng Pi	304,2570	304,2570	300.000	91.277.100	
5	Cộng đồng bản Tênh Lá	33,8940	33,8940	300.000	10.168.200	
6	Cộng đồng bản Trung Dinh	137,8080	137,8080	300.000	41.342.400	
7	Cộng đồng bản Xá Tụ	61,1050	61,1050	300.000	18.331.500	
	Tổng (14 HGĐ + 7 CĐ)	1.611,2830	1.611,2830		483.384.900	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07/12/2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Pú Nhung

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
	Khó Bua (1 HGD)	0,5650	0,5650		169.500	
1	Sùng A Dơ	0,5650	0,5650	300.000	169.500	
	Tổng (1 HGD)	0,5650	0,5650		169.500	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG SỐ VIETTEL PAY
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Pú Nhung

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
	Đề Chia A (1 HGĐ)	1,8620	1,8620		558.600	
1	Vừ Và Trư	1,8620	1,8620	300.000	558.600	040152314
	Đề Chia B (1 HGĐ)	1,7780	1,7780		533.400	
2	Giàng A Anh	1,7780	1,7780	300.000	533.400	040365794
	Khó Bua (1 HGĐ)	0,5780	0,5780		173.400	
3	Vừ A Lầu	0,5780	0,5780	300.000	173.400	040536894
	Tổng (3 HGĐ)	4,2180	4,2180		1.265.400	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TẠM ỨNG NĂM 2023, LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Pú Nhung

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
	Khó Bua (1 HGĐ)	1,9530	1,9530		585.900	
1	Lầu Dững Khứ	1,9530	1,9530	300.000	585.900	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
	Tổng (1 HGĐ)	1,9530	1,9530		585.900	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
 QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07/12/2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Pú Xi

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
1	Cộng đồng bản Hát Khoang	83,8960	83,8960	300.000	25.168.800	
2	Cộng đồng bản Hát Lầu	17,0000	17,0000	300.000	5.100.000	
3	Cộng đồng bản Hua Múc 1	102,1800	102,1800	300.000	30.654.000	
4	Cộng đồng bản Hua Múc 2	72,4520	72,4520	300.000	21.735.600	
5	Cộng đồng bản Hua Múc 3	29,2530	29,2530	300.000	8.775.900	
6	Cộng đồng bản Hua Mùn	423,5510	423,5510	300.000	127.065.300	
7	Cộng đồng bản Pú Xi 1	168,1130	168,1130	300.000	50.433.900	
8	Cộng đồng bản Pú Xi 2	88,0500	88,0500	300.000	26.415.000	
9	Cộng đồng bản Thâm Mú	556,0930	556,0930	300.000	166.827.900	
10	Cộng đồng bản Thâm Táng	2.361,7160	2.361,7160	300.000	708.514.800	
Tổng cộng: 10 CĐ		3.902,3040	3.902,3040		1.170.691.200	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Biểu 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Quài Nưa

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Tên hộ gia đình, cá nhân (8 HGĐ)	35,5660	32,0094		9.602.820	
	Bản Giáng (1 HGĐ)	17,8820	16,0938		4.828.140	
1	Lò Văn Phong	17,8820	16,0938	300.000	4.828.140	
	Bản Minh Thắng (3 HGĐ)	15,6580	14,0922		4.227.660	
2	Lê Minh Tân (Lê Khắc Tuấn)	13,3990	12,0591	300.000	3.617.730	
3	Bùi Thị Vân	0,9930	0,8937	300.000	268.110	
4	Phí Anh Hào (Phí Mạnh Hào)	1,2660	1,1394	300.000	341.820	
	Bản Chá (1 HGĐ)	1,1690	1,0521		315.630	
5	Lò Văn Mai (Lường Văn Mai)	1,1690	1,0521	300.000	315.630	
	Bản Bó Giáng (Nong Giáng) (3 HGĐ)	0,8570	0,7713		231.390	
5	Lường Thị Tươi (Quàng Thị Tươi)	0,4020	0,3618	300.000	108.540	
7	Lò Văn Sỹ	0,1740	0,1566	300.000	46.980	
8	Lò Văn Hiến	0,2810	0,2529	300.000	75.870	
II	Tên cộng đồng dân cư (10 CĐ)	892,5570	885,1266		265.537.980	
1	CĐ bản Cọ	265,1730	263,9259	300.000	79.177.770	
2	CĐ bản Cang	15,7810	15,3116	300.000	4.593.480	
3	CĐ bản Cù	24,6370	22,2497	300.000	6.674.910	
4	CĐ bản Giáng	28,8240	28,2383	300.000	8.471.490	

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
5	CĐ bản Mạ Khúa	87,4010	87,4010	300.000	26.220.300	
6	CĐ bản Ten, Chăn	293,7320	292,3455	300.000	87.703.650	
7	CĐ Nong Liếng	7,8760	7,8760	300.000	2.362.800	
8	CĐ bản Chá	40,1190	39,5363	300.000	11.860.890	
9	CĐ Bản Pha Nàng	69,5440	69,5440	300.000	20.863.200	
10	CĐ bản Bó Giáng	59,4700	58,6983	300.000	17.609.490	
Tổng (8 HGD + 10 CĐ)		928,1230	917,1360		275.140.800	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
 QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN SỔ VIETTEL PAY**

cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Quài Nưa

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
	Bản Trai Giồng (1 HGĐ)	1,7450	1,5705		471.150	
1	Phạm Quang Đầu	1,7450	1,5705	300.000	471.150	
	Bản Minh Thắng (2 HGĐ)	1,0550	0,9495		284.850	
2	Trần Minh Tôn	0,4850	0,4365	300.000	130.950	
3	Phạm Văn Như	0,5700	0,5130	300.000	153.900	
	Bản Chá (1 HGĐ)	0,6140	0,5526		165.780	
4	Lường Văn Thành	0,6140	0,5526	300.000	165.780	
	Bản Nong Giáng (11 HGĐ)	11,0420	9,9378		2.981.340	
5	Quảng Văn Hiếng	0,2770	0,2493	300.000	74.790	
6	Lò Văn Biển	1,1640	1,0476	300.000	314.280	
7	Lò Thị Là	0,3780	0,3402	300.000	102.060	
8	Cà Văn Lanh	0,2950	0,2655	300.000	79.650	
9	Lò Văn Hặc	1,4110	1,2699	300.000	380.970	
10	Lò Văn Phớ	1,4880	1,3392	300.000	401.760	
11	Quảng Văn Thủy	0,5220	0,4698	300.000	140.940	
12	Lò Văn Ngoai	1,0080	0,9072	300.000	272.160	
13	Lò Văn Bông	1,6310	1,4679	300.000	440.370	
14	Lò Văn Yên	2,3390	2,1051	300.000	631.530	
15	Quảng Văn Toàn	0,5290	0,4761	300.000	142.830	
	Tổng (15 HGĐ)	14,4560	13,0104		3.903.120	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền

BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Quài Nưa

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
	Bản Nong Giáng (1 HGĐ)	0,1190	0,1071		32.130	
1	Lò Thị Dung (Lò Văn Tiến)	0,1190	0,1071	300.000	32.130	
	Tổng (1 HGĐ)	0,1190	0,1071		32.130	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TẠM ỨNG NĂM 2023, LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Quài Nưa

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Tên hộ gia đình, cá nhân (2 HGĐ)	1,6480	1,4832		444.960	
	Bản Trại Giồng (1 HGĐ)	1,3390	1,2051		361.530	
1	Phạm Thanh Quang	1,3390	1,2051	300.000	361.530	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
	Bản Minh Thắng (1 HGĐ)	0,3090	0,2781		83.430	
2	Đỗ Quý Khích	0,3090	0,2781	300.000	83.430	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
	Tổng (2 HGĐ)	1,6480	1,4832		444.960	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền

BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07/12/2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Quỳnh Cang

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Tên hộ gia đình, cá nhân (16 HGĐ)	16,9610	16,9610		5.088.300	
	Bản Hin (16 HGĐ)	16,9610	16,9610		5.088.300	
1	Cà Văn Thương	1,6600	1,6600	300.000	498.000	
2	Lường Văn Hoan	0,5080	0,5080	300.000	152.400	
3	Lường Văn Hoan	0,4320	0,4320	300.000	129.600	
4	Lường Văn Xuân (P)	1,3380	1,3380	300.000	401.400	
5	Lò Văn Bình	1,9520	1,9520	300.000	585.600	
6	Lò Văn Côn	0,3640	0,3640	300.000	109.200	
7	Lò Văn Chương	0,5530	0,5530	300.000	165.900	
8	Lò Văn Dâm	0,4970	0,4970	300.000	149.100	
9	Lò Văn Kính	3,2670	3,2670	300.000	980.100	
10	Lò Văn Phương	1,3910	1,3910	300.000	417.300	
11	Lò Văn Hặc	0,4990	0,4990	300.000	149.700	
12	Lò Văn Nội	0,3480	0,3480	300.000	104.400	
13	Lò Văn Thương	1,1790	1,1790	300.000	353.700	
14	Lò Văn Trục	0,4660	0,4660	300.000	139.800	
15	Tạ Văn Ninh	0,4350	0,4350	300.000	130.500	
16	Tòng Văn Toán	2,0720	2,0720	300.000	621.600	
II	Tên cộng đồng thôn, bản (01 CĐ)	20,2630	20,2630		6.078.900	
1	Cộng đồng bản Phủ	20,2630	20,2630	300.000	6.078.900	
	Tổng (16 HGĐ + 01 CĐ)	37,2240	37,2240		11.167.200	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
 QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG SỐ VIETTEL PAY
 cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình**

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Quài Cang

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
	Bản Hin (1 HGĐ)	0,9830	0,9830		294.900	
1	Lò Thị Phụng	0,9830	0,9830	300.000	294.900	
	Tổng (1 HGĐ)	0,9830	0,9830		294.900	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
 QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
 cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình**

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07/12/2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Rạng Đông

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
1	Cộng đồng bản Háng Á	53,1050	53,1050	300.000	15.931.500	
2	Cộng đồng bản Xá Nhè	47,2330	47,2330	300.000	14.169.900	
3	Cộng đồng bản Bon B	57,8570	57,8570	300.000	17.357.100	
4	Cộng đồng bản Noong Luông	201,1930	201,1930	300.000	60.357.900	
5	Cộng đồng bản Rạng Đông	191,8850	191,8850	300.000	57.565.500	
6	Cộng đồng bản Nậm Mu (Nậm Mu + Món)	135,4050	135,4050	300.000	40.621.500	
7	Cộng đồng Bản Bon A	56,4410	56,4410	300.000	16.932.300	
Tổng cộng: 7 CĐ		743,1190	743,1190		222.935.700	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền

**BIỂU THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07/12/2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Ta Ma

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
1	Cộng đồng bản Thờ Tỷ	222,8830	222,8830	300.000	66.864.900	
2	Cộng đồng bản Phình Cừ	203,1460	203,1460	300.000	60.943.800	
Tổng (02 CĐ)		426,0290	426,0290		127.808.700	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07/12/2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Tủa Tình

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Tên hộ gia đình, cá nhân (6 HGĐ)	24,1800	22,8374		6.851.220	
	Bản Lồng (2 HGĐ)	17,2940	16,6400		4.992.000	
1	Mùa A Lâu (Mùa A Hùng)	6,5400	5,8860	300.000	1.765.800	
2	Mùa A Tòng (Mùa A Tùng (B))	10,7540	10,7540	300.000	3.226.200	
	Bản Hua Sa A (4 HGĐ)	6,8860	6,1974		1.859.220	
3	Giàng Gà Lừ	0,6590	0,5931	300.000	177.930	
4	Giàng A Khá (Giàng Giông Khá)	1,5450	1,3905	300.000	417.150	
5	Lâu A Say (Lâu Gà Sùng)	1,8770	1,6893	300.000	506.790	
6	Ly Sái Sợ	2,8050	2,5245	300.000	757.350	
II	Tên cộng đồng dân cư (6 CD)	1.364,1820	1.364,1820		409.254.600	
1	Cộng đồng bản Lồng	443,3910	443,3910	300.000	133.017.300	
2	Cộng đồng bản Chế A	43,0920	43,0920	300.000	12.927.600	
3	Cộng đồng bản Hua Sa A	116,7500	116,7500	300.000	35.025.000	
4	Cộng đồng bản Hua Sa B	7,0320	7,0320	300.000	2.109.600	
5	Cộng đồng bản Sông Ia	56,5360	56,5360	300.000	16.960.800	
6	Cộng đồng bản Toà Tình	697,3810	697,3810	300.000	209.214.300	
	Tổng (06 HGĐ + 06 CD)	1.388,3620	1.387,0194		416.105.820	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền

BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG SỐ VIETTEL PAY

cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462 /TB-QBVR ngày 07 / 12 /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Tỏa Tình

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Tên hộ gia đình, cá nhân (13 HGĐ)	28,7700	26,9820		8.094.600	
	Bản Lông (5 HGĐ)	10,6010	9,5409		2.862.270	
1	Mùa A Lâu (B)	0,9670	0,8703	300.000	261.090	
2	Mùa A Long	0,7070	0,6363	300.000	190.890	
3	Mùa Giồng Tủa	3,3560	3,0204	300.000	906.120	
4	Mùa Khua Dính	4,7810	4,3029	300.000	1.290.870	
5	Vàng A Hừ	0,7900	0,7110	300.000	213.300	
	Bản Hua Sa A (8 HGĐ)	18,1690	17,4411		5.232.330	
6	Giàng Bua Đình	6,0900	6,0900	300.000	1.827.000	
7	Lâu A Sính	0,6880	0,6880	300.000	206.400	
8	Ly Nhìa Thảo	1,0140	0,9592	300.000	287.760	
9	Mùa Gà Sênh	1,7570	1,5813	300.000	474.390	
10	Mùa Giồng Chứ	3,6460	3,6460	300.000	1.093.800	
11	Mùa Sái Vàng	2,8680	2,5812	300.000	774.360	
12	Mùa Thị Mỹ	1,1110	0,9999	300.000	299.970	
13	Mùa Trồng Sừ	0,9950	0,8955	300.000	268.650	
	Tổng (13 HGĐ)	28,7700	26,9820		8.094.600	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền

BIỂU CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
QUA TÀI KHOẢN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462/TB-QBVR ngày 07/12/2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Tủa Tình

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Tên hộ gia đình, cá nhân (20 HGD)	75,9490	69,5496		20.864.880	
	Bản Lông (15 HGD)	63,4990	58,0950		17.428.500	
1	Vàng A Phía	2,1060	1,8954	300.000	568.620	
2	Lầu Nhà Ly	2,0670	1,8603	300.000	558.090	
3	Mùa A Chông	4,8080	4,8080	300.000	1.442.400	
4	Mùa A Khai	1,3540	1,2186	300.000	365.580	
5	Mùa A Tùng	3,2790	2,9511	300.000	885.330	
6	Mùa A Vàng (A)	4,1160	3,7044	300.000	1.111.320	
7	Mùa Chờ Vàng	9,5440	8,5896	300.000	2.576.880	
8	Mùa Chù Tú	4,6510	4,6510	300.000	1.395.300	
9	Mùa Thị Súa	3,6130	3,2517	300.000	975.510	
10	Sùng A Chứ	5,6620	5,0958	300.000	1.528.740	
11	Thào Thị Má	1,0780	0,9702	300.000	291.060	
12	Vàng A Dế	3,0950	2,7855	300.000	835.650	
13	Vàng Thị Mỹ	5,7790	5,2011	300.000	1.560.330	
14	Mùa A Dưa (Mùa Giồng Dưa)	11,6390	10,4751	300.000	3.142.530	
15	Thào A Cay (Thào A Cây)	0,7080	0,6372	300.000	191.160	
	Bản Hua Sa A (5 HGD)	12,4500	11,4546		3.436.380	
16	Giàng Chù Phá	1,2570	1,2570	300.000	377.100	
17	Giàng Dưng Vư	0,9120	0,8208	300.000	246.240	
18	Giàng Gà Tú	1,2390	1,2390	300.000	371.700	
19	Giàng Khua Cùa	6,2300	5,6070	300.000	1.682.100	
20	Giàng A Lầu	2,8120	2,5308	300.000	759.240	
	Tổng (20 HGD)	75,9490	69,5496		20.864.880	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TẠM ỨNG NĂM 2023, LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
cho các chủ rừng cộng đồng, hộ gia đình

(Kèm theo thông báo số 462/TB-QBVR ngày 07/12/2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

Xã: Tủa Tình

Huyện: Tuần Giáo

Tỉnh: Điện Biên

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Tổng số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Tên hộ gia đình, cá nhân (7 HGĐ)	8,5550	7,6995		2.309.850	
	Bản Lồng (4 HGĐ)	3,7190	3,3471		1.004.130	
1	Mùa Sua Vàng (Mùa A Dày)	0,6470	0,5823	300.000	174.690	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
2	Mùa A Sờ	1,2960	1,1664	300.000	349.920	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
3	Mùa Giồng Vàng	0,4480	0,4032	300.000	120.960	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
4	Mùa Sái Ninh	1,3280	1,1952	300.000	358.560	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
	Bản Hua Sa A (3 HGĐ)	4,8360	4,3524		1.305.720	
5	Giàng Chù Tú	1,5480	1,3932	300.000	417.960	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
6	Giàng Giồng Páo	2,5310	2,2779	300.000	683.370	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
7	Mùa Nhìa Hờ	0,7570	0,6813	300.000	204.390	Chưa mở tài khoản nhận tiền DVMTR
	Tổng (7 HGĐ)	8,5550	7,6995		2.309.850	

Ghi chú: Đơn giá tạm ứng năm 2023: 300.000 đồng.



Đặng Thị Thu Hiền